

THỰC TRẠNG VÀ NHỮNG GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI TỈNH BẮC KẠN ĐẾN NĂM 2010

Đỗ Thị Bắc*

The situation and solutions to develop socio-economics of Bắc Kạn province till year 2010

(Summary)

Bắc Kạn is a mountainous province about 166km far from Hanoi. Within 112 communes in the province, there are 103 extreme difficult communes. The total population of the province is 239366 people in the year 2004 of which more than 85% of the population are living in the rural area with the density of 61 people/km². The total province's area is 485721ha with very complex topography. The province has high potential on natural resources for economic development. In last years the socio-economic significant development in the province however it is still not equally to the potential of the development.

Therefore, it is necessary that to have suitable socio-economic development solutions and right investment orientation to different production sectors of the province, what will promote the development and exploit the potential, advantage in order to improve socio-economic condition in the province.

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Bắc Kạn là tỉnh miền núi, vùng cao, nằm sâu trong nội địa vùng Đông Bắc, cách thủ đô Hà Nội 166 km về phía Đông Bắc, nằm trên quốc lộ 3 đi từ Hà Nội lên Cao Bằng. Có diện tích tự nhiên là 485.721 ha, đất nông nghiệp chỉ chiếm 6,78%, đất lâm nghiệp khá lớn chiếm 62,99%, đất chưa sử dụng còn nhiều chiếm 27,69%. Bắc Kạn có địa hình phức tạp, chia cắt bởi các dãy núi cao, độ dốc bình quân 26 - 30^o. Bắc Kạn có 7 huyện và 1 thị xã với 122 xã, phường, thị trấn, trong đó có 103 xã đặc biệt khó khăn; với số dân năm 2004 có 296.366 người, trong đó lao động nông thôn chiếm 85,05%, mật độ dân số trung bình 61,02 người/km².

Trong những năm qua, với sự cố gắng của các ngành, các cấp, các địa phương và nhân dân trong tỉnh, kinh tế - xã hội tiếp tục tăng trưởng và phát triển, an ninh chính trị được giữ vững, trật tự, an toàn xã hội được đảm bảo. Tuy nhiên phát triển kinh tế - xã hội còn chậm và chưa ổn định; đời sống người dân còn thấp kém, tỷ lệ đói nghèo còn cao.

II. THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI TỈNH BẮC KẠN

1. Phát triển kinh tế tỉnh Bắc Kạn

* *Thực trạng phát triển nông, lâm nghiệp*

Nông, lâm nghiệp tỉnh Bắc Kạn trong những năm qua đạt được những kết quả đáng kể, năm 2004 giá trị sản xuất ngành nông nghiệp đạt 383.273 triệu đồng, trong đó trồng trọt 271.278 triệu đồng. (chiếm 70,78%),

chăn nuôi 108.680 triệu đồng (chiếm 28,36%), dịch vụ nông nghiệp 3.315 triệu đồng (chiếm 0,86%); lâm nghiệp đạt 99.682 triệu đồng, trong đó trồng và nuôi rừng 32.833 triệu đồng (chiếm 32,94%), khai thác gỗ và lâm sản 65.075 triệu đồng (chiếm 65,28%), lâm nghiệp khai thác 1.774 triệu đồng (chiếm 1,78%).

Sản xuất nông nghiệp đã từng bước phát triển, năm 2004 cây lúa diện tích gieo cấy là 20.187 ha, năng suất bình quân đạt 40,93 tạ/ha, sản lượng đạt 82.637 tấn. Cây ngô diện tích gieo trồng là 13.552 ha, năng suất bình quân 27,28 tạ/ha, sản lượng đạt 36.975 tấn. Lương thực bình quân đầu người từ 349 kg năm 2001 lên 405 kg năm 2004. Lựa chọn được các giống cây trồng phù hợp để khai thác đất ruộng bỏ hóa một vụ (ngô, đậu tương, thuốc lá...) và tăng thêm vụ đông (ngô, khoai tây, rau xanh...), vì vậy đã tăng hệ số sử dụng ruộng đất qua các năm 1997 là 1,2 lần, năm 2002 là 1,62 lần và năm 2004 là 1,78 lần. Thực hiện xây dựng mô hình chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi nhằm nâng cao giá trị sản xuất nông, lâm nghiệp đạt 30 triệu đồng/ha được thực hiện năm 2004 với diện tích 40 ha.

Tỉnh Bắc Kạn đã chú trọng phát triển chăn nuôi, tăng nhanh đàn gia súc, lựa chọn một số giống con phù hợp với điều kiện chăn nuôi của Bắc Kạn như mô hình chăn nuôi gà thả vườn, phát triển lợn hương nạc, chuyển giao kỹ thuật nuôi lợn nái hương nạc và nuôi lợn móng cái thuần. Cải tạo đàn bò địa phương, kết hợp với nuôi thử nghiệm bò sữa quy mô hộ gia đình. Chăn nuôi đại gia súc được chú trọng phát triển năm 2004 đàn trâu có 83.476 con, đàn bò có 37.241 con, đàn

* TS. Trường Đại học Kinh tế và Quản trị Kinh doanh Thái Nguyên

lợn có 158.581 con, ngựa có 2.429 con, dê có 35.881 con, gia cầm có 1.219.813 con.

Diện tích chè của tỉnh có 1.793 ha, sản lượng chè đạt 3.525 ha. Tuyển chọn cây chè tuyệt Shan đầu dòng, nhân giống vô tính, và mô hình sản xuất, chế biến chè tuyệt tại chợ Đồn, chợ Mới, với quy mô ban đầu 70 ha, nay đã mở rộng ra hàng trăm ha. Thông qua công nghệ chế biến, chất lượng chè đã được nâng cao, sản phẩm chè tuyệt Shan Bắc Kạn đã có mặt trên thị trường, có 482 ha chè tuyệt Shan

Một số cây ăn quả đặc sản và có tiếng ở Bắc Kạn như: Hồng không hạt, cam, quýt Quang Thuận, lê Ngân Sơn, cây sinh trưởng phát triển tốt, phù hợp với điều kiện sinh thái của địa phương. Tuy nhiên, diện tích còn phân tán, năng suất thấp, sâu bệnh hại nhiều, người dân chưa đầu tư thâm canh. Tỉnh đã chú trọng xây dựng vườn ươm giống, và ghép được 17.500 cây giống tốt, để trồng mới 17 ha. Tiến hành thâm canh 27,2 ha, năng suất tăng từ 30 - 35 % so với trước. Xây dựng mô hình cải tạo vườn tạp bằng các giống cây ăn quả đặc sản tại xã Bằng Phúc, huyện Chợ Đồn, đã tuyển chọn được những cây hồng không hạt có chất lượng tốt để nhân giống.

Lợi thế lâm nghiệp tiếp tục được phát huy trong thời kỳ 2001 - 2004 trồng rừng được 13.452,74 ha, trong đó trồng hồi được 2.937 ha. Từ năm 2002, tỉnh chủ trương đưa cây hồi, đẩy mạnh trồng cây nguyên liệu giấy, từng bước chuyển lâm nghiệp sang sản xuất hàng hóa, đến nay có hơn 2.500 ha hồi, gần 6.000 cây nguyên liệu giấy... đang hình thành vùng nguyên liệu cho công nghiệp chế biến. Khoán khoán nuôi tái sinh và bảo vệ rừng đạt 53.597 ha. Độ che phủ rừng được nâng từ 51% năm 2001 lên 53,8% năm 2004. Khai thác chế biến lâm sản nhìn chung phát triển chậm, công nghệ sản xuất chế biến còn thô sơ, lạc hậu, thị trường không ổn định.

** Phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và xây dựng cơ bản*

Công nghiệp được chú trọng phát triển, giá trị sản xuất năm 2004 là 129.998 triệu đồng, tăng 25,13% so với năm 2003, trong đó công nghiệp địa phương đạt 122.987 triệu đồng, tăng 25,23% so với năm 2003. Công nghiệp khai thác đạt 60.248 triệu đồng, công nghiệp chế biến đạt 62.087 triệu đồng. Đầu tư phát triển công nghiệp trên địa bàn như nhà máy luyện gang Cẩm Giàng, nhà máy xi măng, nhà máy lắp ráp ô tô Tra-Las, nhà máy tinh bột sắn... đã xúc tiến để đầu tư xây dựng

khu công nghiệp Thanh Bình - chợ Mới, cụm công nghiệp xã Xuất Hóa, cụm công nghiệp thị xã Bắc Kạn, sản xuất thức ăn gia súc và sản xuất gạch.

Tăng cường xây dựng cơ sở hạ tầng của tỉnh, tập trung đầu tư cho các công trình, dự án trên địa bàn 8 huyện, thị xã, cải tạo và nâng cấp quốc lộ 3, quốc lộ 279, tái định cư thủy điện Na Hang, cải tạo nâng cấp hồ bản Chang, dự án cầu Bắc Kạn II, cầu Yên Đình, cầu Dương Quang, cầu Hảo Nghĩa. Thông xe kỹ thuật tuyến đường Bộc Bó - Cổ Linh, huyện Pác Nặm là tuyến đường ô tô đến trung tâm xã cuối cùng của tỉnh. Xây dựng trung tâm hội nghị tỉnh, trung tâm hoạt động thanh thiếu nhi tỉnh Kác Kạn. Số máy điện thoại hiện nay trên địa bàn tỉnh có 12.363 máy, số xã có điểm Bưu điện - Văn hóa là 82 xã, số xã có thông tin điện thoại là 120/122 xã. Tổng số xã có điện lưới quốc gia trong toàn tỉnh là 120/122 xã, tỷ lệ hộ dân được sử dụng điện lưới quốc gia trong tỉnh là 75%. Số hộ dân nông thôn được dùng nước sạch là 51%. Tuy nhiên hiện nay vẫn còn 209 phòng học tranh tre, nhà tạm.

** Thực trạng phát triển thương mại, dịch vụ*

Hoạt động thương mại, dịch vụ trong những năm qua trên địa bàn tỉnh đạt mức tăng trưởng cao, do kinh tế của tỉnh tăng trưởng và phát triển, thu nhập của người dân tăng lên, thị trường hàng hóa ngày càng phát triển, do tác động tích cực của chuyển dịch cơ cấu kinh tế và phát triển cơ sở hạ tầng như hệ thống điện, thủy lợi, giao thông, hệ thống chợ. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng xã hội năm 2004 đạt 564.109 triệu đồng, tăng 18,85 so với năm 2003, trong đó kinh tế Nhà nước đạt 104.956 triệu đồng, tăng 13,96%; kinh tế tư nhân đạt 33.455 triệu đồng tăng 78,51%; kinh tế chính sách thể đạt 425.698 triệu đồng, tăng 17,02%. Cùng với xúc tiến hoạt động thương mại, du lịch cũng được tăng cường, từng bước hoàn thiện cơ sở hạ tầng phục vụ du lịch, đã thu hút thêm khách du lịch đến tỉnh Bắc Kạn, đến hồ Ba Bể, đến các điểm du lịch với các tua du lịch mới ở tỉnh Bắc Kạn.

2. Thực trạng phát triển xã hội tỉnh Bắc Kạn

Tỉnh đã tăng cường đầu tư cho giáo dục, trong những năm qua số trường, số lớp, số giáo viên đều tăng lên. Số trường học phổ thông ở tỉnh Bắc Kạn hiện nay có 218 trường, 2.716 lớp học, 3.672 giáo viên, 71.294 học sinh. Đã đổi mới phương pháp và các biện pháp nâng cao chất lượng dạy và học, nâng cao chất lượng về giáo dục đạo đức và văn hóa cho học sinh. Tuy nhiên, giáo dục, đào tạo của tỉnh cũng có những khó

khẩn như cơ sở vật chất còn thiếu thốn, chưa được đầu tư thích hợp với yêu cầu thực tế.

Mạng lưới y tế được tăng cường, toàn tỉnh có 6 bệnh viện, 12 phòng khám khu vực, 122 trạm y tế xã, phường, với 725 giường bệnh, cán bộ y tế có 1.181 người, số cán bộ y tế cơ bản đáp ứng yêu cầu khám chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe cho nhân dân. Đã có 1.299/1.373 thôn bản trong toàn tỉnh có nhân viên y tế thôn bản. Tiếp tục chủ động trong công tác phòng chống, giám sát dịch bệnh tại cơ sở, các chương trình y tế quốc gia được thực hiện đầy đủ. Các chương trình truyền thông dân số, vận động kế hoạch hóa gia đình được thực hiện có hiệu quả. Công tác chăm sóc, bảo vệ trẻ em được quan tâm.

Các hoạt động văn hóa, thông tin, thể thao được quan tâm, toàn tỉnh 100% thôn bản có hương ước, quy ước; 85% số thôn bản, gia đình đăng ký xây dựng làng bản, gia đình văn hóa; 70% số xã có đội văn nghệ. Đã làm tốt công tác tuyên truyền thực hiện tốt các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa diễn ra trên địa bàn kịp thời được chuyển tải trên các phương tiện thông tin đại chúng. Thực hiện tốt việc tiếp và phát sóng các chương trình phát thanh, truyền hình Trung ương và địa phương phục vụ nhu cầu nhân dân trong tỉnh. Công tác phổ biến giáo dục pháp luật được thực hiện với nhiều hình thức, nội dung phong phú, các Luật mới ban hành đều được tuyên truyền sâu rộng trong mọi tầng lớp nhân dân.

Công tác giải quyết việc làm, đào tạo nghề đã được chú trọng, đã giải quyết và tạo việc làm mới cho 5.133 lao động. Tỷ lệ thất nghiệp ở khu vực thành thị giảm xuống đến nay chỉ còn 4,25%, tỷ lệ sử dụng thời gian lao động ở khu vực nông thôn là 78,74%. Đã tổ chức Quỹ giải quyết việc làm cho 232 dự án, thu hút 2.128 lao động, với số tiền là 11.773 triệu đồng. Thực hiện các chương trình, dự án dạy nghề cho nông dân. Công tác xóa đói giảm nghèo được thực hiện triển khai có hiệu quả, tỷ lệ hộ nghèo cuối năm 2004 vẫn còn 17,91%, hiện nay đang tiến hành điều tra hộ nghèo theo chuẩn mới, việc hỗ trợ hộ nghèo xóa nhà tranh tre dột nát đang được quan tâm thực hiện.

An ninh chính trị được giữ vững, trật tự an toàn xã hội được đảm bảo, tình hình an ninh nông thôn cơ bản ổn định. Tuy nhiên, hoạt động truyền đạo trái phép còn diễn biến phức tạp trong vùng đồng bào dân tộc Mông, Dao tại các địa bàn huyện Pác Nặm, Ba Bể, Chợ

Đồn, Ngân Sơn, tình hình dư cư có 110 hộ, với 646 khẩu, chủ yếu dân tộc Mông, Dao di cư vào các tỉnh phía Nam.

III. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI ĐẾN NĂM 2010

1. Quan điểm cơ bản phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2010

Chú trọng khai thác lợi thế của tỉnh để tạo ra những ngành sản xuất mũi nhọn nhằm thúc đẩy kinh tế - xã hội của tỉnh. Hướng chuyển dịch cơ cấu kinh tế của tỉnh là tăng nhanh tỷ trọng công nghiệp và dịch vụ, phát triển nông nghiệp theo hướng đa dạng hóa sản phẩm, sản xuất hàng hóa với những cây, con có thế mạnh.

Chuyển giao các tiến bộ khoa học và công nghệ, chú trọng áp dụng công nghệ vào sản xuất, năng suất cao, chất lượng sản phẩm tốt. Trong nông nghiệp ứng dụng khoa học công nghệ, tạo ra những bước đột phá trong việc chuyển đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi có giá trị kinh tế cao, xây dựng mô hình cánh đồng đạt 40 - 50 triệu đồng/ha. Bảo vệ và phát triển tài nguyên, nâng cao độ che phủ rừng, phát triển bền vững và bảo vệ môi trường sinh thái.

Phát triển kinh tế phải gắn liền với việc giải quyết các vấn đề xã hội, nhằm tạo ra sự ổn định vững chắc cho quá trình tăng trưởng và công bằng xã hội, giải quyết có hiệu lực các vấn đề xã hội; thực hiện xóa đói, giảm nghèo. Kết hợp hài hòa giữa phát triển kinh tế với đảm bảo an ninh quốc phòng trên địa bàn tỉnh.

2. Định hướng, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Bắc Kạn đến năm 2010

Định hướng chung lâu dài cho sự phát triển kinh tế - xã hội nông thôn của tỉnh Bắc Kạn là phát triển kinh tế - xã hội nông thôn bền vững; nâng cao đời sống, văn hóa, xã hội theo định hướng xã hội chủ nghĩa, công bằng và dân chủ, môi trường được cải thiện và bảo vệ.

Trên cơ sở khai thác mọi nguồn lực, mọi cơ hội và lợi thế, phấn đấu đẩy nhanh tốc độ phát triển kinh tế - xã hội nông thôn của tỉnh Bắc Kạn với các mục tiêu đến năm 2010 là:

- Đạt mức tăng trưởng kinh tế toàn tỉnh bình quân 13%/năm.
- Sản lượng lương thực đạt 150.000 tấn, lương thực bình quân đầu người 450 kg/năm.
- Bảo vệ môi trường sinh thái; tăng tỷ lệ che phủ rừng lên 70% vào năm 2010.

- Giảm tỷ lệ người không có việc làm ở thành thị xuống còn 2% vào năm 2010, nâng tỷ lệ sử dụng thời gian lao động ở nông thôn lên 90%.

- Về xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn: 100% xã có điện dùng và điện thoại. Nâng cao chất lượng và hoàn thành về cơ bản kết cấu hạ tầng nông thôn, chú trọng xây dựng thủy lợi, giao thông. 100% xã có trạm xá kiên cố và cán bộ y tế có trình độ. Tất cả các hộ đều dùng nước sạch.

- 100% số trẻ trong độ tuổi đi học đều được tới trường.

- Đảm bảo an ninh quốc phòng, trật tự an toàn trên địa bàn huyện. Cố gắng đến năm 2010 kinh tế - xã hội nông thôn tỉnh có trình độ phát triển tương đương với các tỉnh lân cận.

IV. GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI TỈNH BẮC KẠN ĐẾN NĂM 2010

1. Phát triển và tìm kiếm thị trường tiêu thụ sản phẩm

Tim kiếm, xâm nhập và mở rộng thị trường là vấn đề rất quan trọng đối với phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Bắc Kạn. Phát triển thị trường trong và ngoài nước, tăng cường công tác thông tin và dự báo thị trường để khuyến khích phát triển sản xuất, tạo ra yêu cầu đa dạng, phong phú về sản phẩm hàng hoá phục vụ sản xuất và đời sống của nhân dân. Quan tâm đến thị trường nông thôn, vùng sâu, vùng xa và vùng cao. Tạo môi trường kinh tế thuận lợi cho các loại thị trường như thị trường vật tư, thị trường vốn, thị trường lao động, thị trường hàng hoá sản phẩm, thị trường hoạt động dịch vụ khác để phát triển sản xuất. Khuyến khích hợp tác phát triển ngành du lịch với các tỉnh Thái Nguyên, Cao Bằng, Hà Nội, Hải Phòng. Lập phương án điều tra tổng thể, quy hoạch, nghiên cứu thị trường và mở rộng hệ thống dịch vụ rộng khắp để tiêu thụ sản phẩm trong tỉnh Bắc Kạn.

2. Huy động mọi nguồn vốn để phát triển sản xuất các ngành trong tỉnh Bắc Kạn; tăng cường xây dựng cơ sở hạ tầng

Huy động các nguồn vốn tự có, nguồn ngân sách, nguồn vốn vay và liên doanh, liên kết để phát triển sản xuất các ngành trong tỉnh. Tỉnh phải xin vốn ngân sách cấp trên đối với các công trình xây dựng cơ bản trọng điểm và các chương trình quốc gia, các chương trình của tỉnh. Lập các dự án để gọi vốn liên doanh, liên kết, hỗ trợ nhân đạo và các nguồn vốn viện trợ khác của các Chính phủ, các tổ chức quốc tế và nước ngoài. Có chính sách cho vay vốn, với mức và thời gian phù hợp với

sản xuất của từng ngành. Tạo nguồn vốn, cải tiến theo hướng phát triển các hình thức tín dụng; cần có chính sách khuyến khích đa dạng hoá hoạt động tiền tệ, tín dụng trong nông thôn.

Tăng cường xây dựng cơ sở hạ tầng, về thủy lợi chú trọng sửa chữa và xây dựng hệ thống đập mương máng tại các xã, xây dựng hệ thống các hồ chứa, các công trình tưới cho cây chủ lực, phấn đấu đến năm 2010 diện tích tưới chủ động 2 vụ là 8.000 ha. Cải tạo nâng cấp quốc lộ 3 qua chợ Mới và thị xã Bắc Kạn, đầu tư phát triển giao thông các đường liên xã, liên bản và vùng sản xuất để thuận tiện trong việc đi lại, chuyên chở. Triển khai tốt tái định cư thủy điện Na Hang, cầu Bắc Kạn II, cầu Yên Đĩnh. Nâng cấp hệ thống điện phục vụ cho sản xuất và sinh hoạt của người dân. Hiện đại hoá hệ thống thông tin, liên lạc ở 120/122 xã, cung cấp thông tin phục vụ sản xuất đặc biệt là ở 82 điểm bưu điện văn hóa xã, tăng cường xây dựng hệ thống thông tin liên lạc và bưu điện văn hóa xã.

3. Tăng cường ứng dụng các thành tựu mới của khoa học, kỹ thuật vào sản xuất; nâng cao nhanh trình độ dân trí, tay nghề cho người lao động, trình độ tổ chức, quản lý cho đội ngũ cán bộ

Tăng cường ứng dụng các thành tựu mới của khoa học, kỹ thuật, mạnh dạn tiếp thu công nghệ mới, các tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, xây dựng cơ bản và dịch vụ. Trong nông nghiệp đặc biệt công nghệ sinh học, công nghệ bảo quản, chế biến nhằm nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm. Tiếp tục hoàn thiện về tổ chức và chỉ đạo hoạt động ứng dụng khoa học, kỹ thuật, chuyển giao các công nghệ tiến bộ đối với các ngành sản xuất trong tỉnh. Cung cấp cho người sản xuất những thông tin kinh tế, kỹ thuật, các kiến thức sản xuất. Đưa nhanh các tiến bộ kỹ thuật sản xuất, mở rộng quy mô sản xuất, tăng nhanh khối lượng sản phẩm hàng hoá và thu nhập cho người sản xuất.

Trong phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Bắc Kạn, con người giữ vai trò quyết định. Chính vì vậy việc nâng cao nhanh trình độ dân trí, tay nghề cho người lao động, trình độ tổ chức, quản lý cho đội ngũ cán bộ là yêu cầu thường xuyên. Tỉnh chú trọng phát triển hệ thống giáo dục để từng bước nâng cao dân trí; đặc biệt quan tâm đến các xã vùng cao, vùng sâu, vùng xa, các dân tộc ít người.

4. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế; phát triển sản xuất nông nghiệp, công nghiệp tiểu thủ công nghiệp, xây dựng cơ bản và dịch vụ; phát huy lợi thế gắn sản xuất với chế biến và thị trường

- Hướng chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong tỉnh là tăng nhanh tỷ trọng công nghiệp và dịch vụ, trong khi phát triển nông nghiệp theo hướng đa dạng hóa sản phẩm, sản xuất hàng hóa với những cây con có thể mạnh của tỉnh tạo ra giá trị hàng hóa cao và phục vụ công nghiệp chế biến của tỉnh.

Đối với ngành nông nghiệp chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong nông, lâm nghiệp theo hướng tạo ra vùng sản xuất hàng hóa tập trung chuyên canh, thâm canh có năng suất, chất lượng cao, tăng tỷ trọng giá trị của ngành chăn nuôi. Đẩy mạnh sản xuất lương thực, đảm bảo an ninh lương thực. Phát triển một số loại sản phẩm hàng hóa đặc trưng, mang thương hiệu Bắc Kạn như khoai môn, chè tuyết Shan, cam quýt Quang Thuận, hồng Bắc Kạn... Mở rộng, phát triển các mô hình và nghiên cứu giải pháp công nghệ, đưa các giống cây trồng mới đạt hiệu quả cao để xây dựng mô hình cánh đồng đạt 40 - 50 triệu đồng/ha. Để làm giàu rừng, nâng hiệu quả kinh tế rừng trồng, phục vụ nguyên liệu cho nhà máy sản xuất bột giấy 5 vạn tấn/năm, tiếp tục triển khai đưa ra một số kỹ thuật chăm sóc, chặt tỉa, nuôi dưỡng và kỹ thuật làm giàu rừng bằng cách trồng bổ sung một số cây như luồng Thanh Hóa, trám ghép. Để giúp người trồng rừng tăng thu nhập, sống ổn định và sống được nhờ rừng, triển khai trồng cây lâm sản ngoài gỗ có giá trị kinh tế cao, với một số loại cây như song, mây, thảo quả, trầm gió...

Đẩy mạnh các hoạt động sản xuất nhà máy xi măng Bắc Kạn, nhà máy lắp ráp ô tô Tra-Las, các hoạt động công nghiệp khai khoáng chủ yếu ở Chợ Đồn, Ngân Sơn. Sản xuất vật liệu xây dựng và khai thác đá ở các huyện, thị trong tỉnh. Phát triển công nghiệp chế biến lâm sản, chế biến hoa quả chủ yếu tập trung ở thị xã Bắc Kạn.

Ngành dịch vụ chú trọng phát triển mạnh trong những năm tới để đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, sẽ tập trung phát triển nhanh các ngành dịch vụ phục vụ cho sản xuất và nâng cao đời sống nhân dân.

5. Vận dụng tốt các chính sách của Đảng và Nhà nước nhằm phát triển kinh tế - xã hội

Chính sách đất đai thực hiện giao quyền sử dụng đất đai, giao ruộng, giao rừng lâu dài, ổn định cho từng hộ nông dân, từng người lao động trên từng thửa ruộng, từng mảnh đất cụ thể. Có chính sách khuyến khích các thành phần kinh tế phát triển, phát triển hệ thống dịch vụ đầu vào, đầu ra và chế biến các sản phẩm nông, lâm nghiệp.

Vận dụng tốt các chính sách dân số, lao động và việc làm, giải quyết các vấn đề xã hội; xoá đói, giảm nghèo, kết hợp với định canh, định cư các dân tộc ít người, thực hiện tốt chính sách bảo đảm xã hội.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- (1). Cục Thống kê tỉnh Bắc Kạn, Niên giám Thống kê tỉnh Bắc Kạn năm 2000 - 2004. In tại Nhà in Bắc Kạn. Tháng 5 - 2005. (2). Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, các sở, ban, ngành tỉnh Bắc Kạn. Số liệu thống kê, báo cáo năm 2001 - 2005. (3). Đồ Thị Bắc. Kết quả điều tra nghiên cứu về phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Bắc Kạn năm 2000 - 2005. □

THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP TIẾP...

(Tiếp theo trang 19)

(+) Chuyển dần phương hướng sản xuất kinh doanh theo hướng công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp hoặc thương mại, dịch vụ để sử dụng đất có hiệu quả và giải quyết công ăn việc làm cho xã viên.
(+) Có hướng quy hoạch giải quyết triệt để các diện tích đất nông nghiệp nhỏ, lẻ, xen, kẹt sử dụng vào mục đích công cộng hoặc tổ chức bán đấu giá quyền sử dụng đất tránh tình trạng lấn chiếm đất công và tranh chấp quyền lợi của các hộ xã viên.

Ba là: Ban hành các chính sách nhằm hỗ trợ hoạt động của các HTX.

- *Chính sách về đất đai:* Đây là nội dung mà nhiều HTX đã có ý kiến tại buổi tiếp xúc giữa chủ tịch UBND thành phố Hà Nội với đại diện các HTX trên địa bàn thành phố.

- *Chính sách tài chính- tín dụng:* Có cơ chế để giải quyết dứt điểm trong việc xoá nợ cho các HTX nông nghiệp.

- *Hình thành quỹ hỗ trợ phát triển HTX* để tạo điều kiện cho các HTX được vay vốn với lãi suất thấp, thủ tục đơn giản.

- *Chính sách đào tạo cán bộ:* (+) Đào tạo nguồn cho các chương trình dài hạn trung cấp, đại học. (+) Bồi dưỡng thường xuyên hàng năm cho hầu hết đội ngũ cán bộ chủ chốt HTX.

Cùng với việc khuyến khích phát triển các thành phần kinh tế như những bộ phận cấu thành quan trọng của nền kinh tế quốc dân, quá trình đẩy mạnh nâng cao hiệu quả hoạt động của kinh tế tập thể mà chủ yếu là kinh tế hợp tác chính là củng cố phát triển để có một lực lượng kinh tế hùng hậu, giữ vai trò quan trọng góp phần quyết định vào sự ổn định và phát triển nhanh, bền vững nền kinh tế Thủ đô. □